

Số: 2230/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 09 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án đào tạo, phát triển nguồn nhân lực đường sắt Việt Nam
đến năm 2035, định hướng đến năm 2045**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đường sắt ngày 16 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 172/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam; Nghị quyết số 187/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng; Nghị quyết số 188/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về thi điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù, đặc biệt để phát triển hệ thống mạng lưới đường sắt đô thị tại thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 178/NQ-CP ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 49-KL/TW ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Bộ Chính trị về định hướng phát triển giao thông vận tải đường sắt Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 106/NQ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 172/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam; Nghị quyết số 127/NQ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 187/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng tại Tờ trình số 63/TTr-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tờ trình số 97/TTr-BXD ngày 26 tháng 8 năm 2025 về việc phê duyệt Đề án “Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực đường sắt Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” và Báo cáo số 10791/BC-BXD ngày 30 tháng 9 năm 2025 về việc tiếp thu, giải trình, hoàn thiện Đề án “Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực đường sắt Việt Nam đến năm 2035, định hướng đến năm 2045”.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án đào tạo, phát triển nguồn nhân lực đường sắt Việt Nam đến năm 2035, định hướng đến năm 2045 (sau đây gọi tắt là Đề án) với những nội dung sau đây:

I. QUAN ĐIỂM

1. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực đường sắt là nhiệm vụ trọng yếu, mang tính chiến lược, đóng vai trò then chốt, phải đi trước một bước nhằm chuẩn bị đội ngũ nhân lực có đủ năng lực, trình độ để tiếp nhận, vận hành, khai thác, bảo trì và từng bước làm chủ các công nghệ tiên tiến, hiện đại trong lĩnh vực đường sắt.

2. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực đường sắt trên cơ sở kế thừa, đào tạo lại và phát triển nguồn nhân lực hiện có của ngành đường sắt; bảo đảm tính đồng bộ, liên thông giữa các cấp trình độ, giữa đào tạo lý thuyết và thực hành, giữa đào tạo trong nước và nước ngoài, phù hợp với đặc thù kỹ thuật - công nghệ cao, hiện đại của hệ thống đường sắt.

3. Tập trung ưu tiên đào tạo nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu triển khai các dự án đường sắt tốc độ cao, đường sắt quốc gia điện khí hóa và đường sắt đô thị, hướng đến làm chủ công nghệ thiết kế, thi công, vận hành, khai thác và bảo trì hệ thống đường sắt hiện đại, bảo đảm tính tự chủ và phát triển bền vững.

4. Thúc đẩy gắn kết giữa đào tạo, nghiên cứu khoa học và thực tiễn triển khai các dự án, bảo đảm nội dung đào tạo sát với nhu cầu thực tế; nâng cao năng lực nghiên cứu - triển khai của các cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu và doanh nghiệp hướng tới hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo ngành đường sắt Việt Nam.

5. Phát triển nguồn nhân lực đường sắt là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, đặc biệt là vai trò của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu và doanh nghiệp; xây dựng và ban hành đồng bộ các cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đào tạo nhân lực đường sắt; khuyến khích người học, thu hút chuyên gia, kỹ sư, nhà khoa học, các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư và phối hợp trong công tác đào tạo, tiếp nhận chuyển giao, từng bước làm chủ từng phần công nghệ, nâng cao vị thế và năng lực cạnh tranh quốc gia trong lĩnh vực đường sắt.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Xây dựng đội ngũ nhân lực đường sắt đồng bộ, có trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp và năng lực công nghệ cao, đáp ứng yêu cầu triển khai các dự án đường sắt tốc độ cao, đường sắt quốc gia điện khí hóa và đường sắt đô thị; từng bước tiếp nhận, làm chủ công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, góp phần thúc đẩy phát triển công nghiệp đường sắt hiện đại, tự chủ và bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể giai đoạn 2025 - 2030

a) Đào tạo ít nhất 35.000 nhân lực, tập trung đào tạo nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu triển khai các dự án đường sắt tốc độ cao, đường sắt điện khí hóa, đường sắt đô thị và bổ sung nguồn nhân lực giảng dạy cho các cơ sở đào tạo, cụ thể:

- Theo trình độ đào tạo: trình độ sau đại học khoảng 1.000 người, bao gồm tiến sĩ khoảng 80 người, thạc sĩ khoảng 920 người (trong đó có 60 tiến sĩ và 150 thạc sĩ là giảng viên); trình độ đại học khoảng 14.000 người; trình độ cao đẳng khoảng 11.000 người và trình độ trung cấp khoảng 9.000 người.

- Theo nhóm ngành: kỹ thuật xây dựng công trình đường sắt khoảng 4.700 người; kỹ thuật xây dựng khoảng 16.300 người; thông tin - tín hiệu đường sắt khoảng 3.700 người; hệ thống điện và năng lượng đường sắt khoảng 1.100 người; đầu máy - toa xe khoảng 1.700 người; kinh tế xây dựng và kinh tế vận tải đường sắt khoảng 1.500 người; khai thác vận tải đường sắt khoảng 6.000 người.

b) Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho khoảng 5.000 người đáp ứng yêu cầu vận hành, khai thác, bảo trì cho các tuyến đường sắt đô thị.

c) Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ về quản lý, phát triển và vận hành đường sắt cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, chuyên gia tại cơ quan, đơn vị thực hiện công tác quản lý nhà nước về đường sắt, khoảng 500 lượt người.

d) Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ về quản lý dự án đường sắt cho đội ngũ nhân lực làm công tác quản lý dự án, khoảng 1.000 lượt người.

đ) Tuyển chọn ít nhất 1.000 người từ các cơ sở nghiên cứu, doanh nghiệp xây dựng, vận hành và công nghiệp đường sắt tham gia trực tiếp vào quá trình nghiên cứu, tiếp nhận chuyển giao, từng bước làm chủ từng phần công nghệ, công nghiệp đường sắt, bao gồm: tiếp nhận, chuyển giao quy trình kiểm định kỹ thuật, nghiệm thu và giám sát thi công các dự án đường sắt khoảng 200 người; thi công công trình hạ tầng đường sắt điện khí hóa với tốc độ thiết kế từ 200 km/h trở lên khoảng 100 người; tham gia lắp ráp, cải tiến và sản xuất đầu máy, toa xe khoảng 300 người; lắp đặt, vận hành và bảo trì các hệ thống thông

tin, tín hiệu hiện đại khoảng 200 người; tiếp nhận chuyển giao công nghệ bảo trì, sửa chữa lớn đối với đầu máy, toa xe và hệ thống hạ tầng kỹ thuật khoảng 200 người.

3. Mục tiêu cụ thể giai đoạn 2031 - 2035

a) Đào tạo ít nhất 70.000 nhân lực, tăng cường đào tạo nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu triển khai các dự án đường sắt tốc độ cao, đường sắt quốc gia điện khí hóa, đường sắt đô thị và bổ sung nguồn nhân lực giảng dạy cho các cơ sở đào tạo, cụ thể:

- Theo trình độ đào tạo: trình độ sau đại học khoảng 2.000 người, bao gồm tiến sĩ khoảng 100 người, thạc sĩ khoảng 1.900 người; trình độ đại học khoảng 18.000 người; trình độ cao đẳng khoảng 30.000 người và trình độ trung cấp khoảng 20.000 người.

- Theo nhóm ngành: kỹ thuật xây dựng công trình đường sắt khoảng 12.300 người; kỹ thuật xây dựng khoảng 21.400 người; thông tin - tín hiệu đường sắt khoảng 9.300 người; hệ thống điện và năng lượng đường sắt khoảng 7.600 người; đầu máy - toa xe khoảng 8.000 người; kinh tế xây dựng và kinh tế vận tải đường sắt khoảng 2.100 người; khai thác vận tải đường sắt khoảng 9.300 người.

b) Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho ít nhất 40.000 người đáp ứng yêu cầu vận hành, khai thác, bảo trì các tuyến đường sắt, bao gồm: đường sắt tốc độ cao khoảng 13.800 người, các tuyến đường sắt quốc gia khoảng 5.000 người, các tuyến đường sắt đô thị khoảng 21.200 người.

c) Tiếp tục bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ về quản lý, phát triển và vận hành đường sắt cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, chuyên gia tại cơ quan, đơn vị thực hiện công tác quản lý nhà nước về đường sắt, khoảng 500 lượt người.

d) Tiếp tục bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ về quản lý dự án đường sắt cho đội ngũ nhân lực làm công tác quản lý dự án, khoảng 1.000 lượt người.

đ) Tuyển chọn ít nhất 5.000 người từ các cơ sở nghiên cứu, doanh nghiệp xây dựng, vận hành và công nghiệp đường sắt tham gia trực tiếp vào quá trình nghiên cứu, tiếp nhận chuyển giao, từng bước làm chủ từng phần công nghệ, công nghiệp đường sắt, bao gồm: tiếp nhận, chuyển giao quy trình kiểm định kỹ thuật, nghiệm thu và giám sát thi công các dự án đường sắt khoảng 1.000 người; thi công công trình hạ tầng đường sắt điện khí hóa với tốc độ thiết kế từ 200 km/h trở lên khoảng 500 người; tham gia lắp ráp, cải tiến và sản xuất đầu máy, toa xe khoảng 1.500 người; lắp đặt, vận hành và bảo trì các hệ thống thông tin, tín hiệu hiện đại khoảng 1.500 người; tiếp nhận chuyển giao công nghệ bảo trì, sửa chữa lớn đối với đầu máy, toa xe và hệ thống hạ tầng kỹ thuật khoảng 500 người.

3. Định hướng đến năm 2045

Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng bổ sung nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu thực tế triển khai các dự án đường sắt và nhân lực vận hành, khai thác, bảo trì các tuyến đường sắt; hướng tới hình thành một số trung tâm đào tạo, chuyển giao công nghệ đường sắt hiện đại trong khu vực.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện thể chế, chính sách phát triển nguồn nhân lực đường sắt

a) Rà soát, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến đào tạo, phát triển nhân lực chuyên ngành đường sắt, đặc biệt là đường sắt tốc độ cao, đường sắt điện khí hóa và đường sắt đô thị.

b) Rà soát, nghiên cứu và hoàn thiện cơ chế, chính sách để đào tạo, phát triển nguồn nhân lực đường sắt, trong đó chú trọng chính sách ưu đãi, đãi ngộ, thu hút, sử dụng và giữ chân nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là cán bộ quản lý nhà nước, kỹ sư, nghiên cứu viên, giảng viên, chuyên gia kỹ thuật tham gia đào tạo, tiếp nhận chuyển giao và làm chủ công nghệ.

c) Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách để thúc đẩy hợp tác các bên Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp trong đào tạo, phát triển nguồn nhân lực đường sắt; xây dựng cơ chế, mô hình hợp tác công - tư để kết hợp nguồn ngân sách nhà nước và nguồn vốn khu vực tư nhân trong và ngoài nước.

2. Tăng cường năng lực cho các cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu

a) Lựa chọn, nâng cấp, đầu tư đồng bộ cơ sở vật chất và trang thiết bị cho một số cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu trong lĩnh vực đường sắt, hướng tới hình thành các trung tâm thực hành - thí nghiệm chuyên sâu đạt trình độ tiên tiến, có khả năng phục vụ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, tư vấn chính sách, công nghệ, nghiên cứu - triển khai công nghệ và tiếp nhận chuyển giao kỹ thuật từ các dự án đường sắt tốc độ cao, đường sắt điện khí hóa và đường sắt đô thị.

b) Lựa chọn, tập trung đầu tư tăng cường năng lực, đặc biệt trang thiết bị, phòng thực hành cho một số cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo lĩnh vực đường sắt từng bước đạt chuẩn khu vực, bảo đảm đủ năng lực đào tạo nhân lực chất lượng cao các chuyên ngành đường sắt, đặc biệt là đường sắt tốc độ cao, đường sắt điện khí hóa và đường sắt đô thị.

c) Đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu cho đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên, chuyên gia đầu ngành tại các cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu, bao gồm: đào tạo, bồi dưỡng ở trong và ngoài nước, tiếp nhận giảng viên, chuyên gia quốc tế tham gia giảng dạy.

d) Xây dựng, chuẩn hóa, đổi mới các chương trình đào tạo chuyên ngành đường sắt theo hướng tích hợp lý thuyết với thực hành đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế; phát triển học liệu, mô phỏng số, nền tảng học trực tuyến phục vụ đào tạo chuyên ngành đường sắt, bảo đảm sinh viên sau tốt nghiệp có thể làm việc ngay, góp phần rút ngắn thời gian đào tạo bổ sung sau tuyển dụng.

3. Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực

a) Đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện các dự án đường sắt

- Đa dạng hóa các loại hình đào tạo, kết hợp đào tạo trong nước và nước ngoài; lựa chọn, cử sinh viên đang học năm thứ nhất, thứ hai tại các cơ sở đào tạo trong nước đi học tại nước ngoài các ngành chuyên sâu về đường sắt tốc độ cao, đường sắt điện khí hóa và đường sắt đô thị; lựa chọn sinh viên đã tốt nghiệp cùng nhóm ngành để cử đi đào tạo các chuyên ngành đường sắt.

- Tổ chức đào tạo chuyên đổi, đào tạo văn bằng hai cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật hiện có sang lĩnh vực đường sắt tốc độ cao, đường sắt điện khí hóa, đường sắt đô thị để kịp thời đáp ứng nhu cầu nhân lực phục vụ công tác thiết kế, thi công các tuyến đường sắt khởi công trong giai đoạn 2025 - 2028.

- Triển khai các chương trình, chính sách khuyến khích, thu hút người học vào học các ngành, nghề trọng điểm phục vụ xây dựng, vận hành, khai thác, bảo trì đường sắt, đặc biệt là đường sắt tốc độ cao, đường sắt điện khí hóa và đường sắt đô thị; ưu tiên đầu tư hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực tài năng trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ để nắm bắt, làm chủ công nghệ lõi, công nghệ cao trong lĩnh vực đường sắt.

- Triển khai công tác truyền thông và hướng nghiệp đầy đủ, kịp thời về nhu cầu nhân lực đường sắt để cung cấp thông tin rõ ràng, dễ tiếp cận cho học sinh, phụ huynh, giáo viên và cộng đồng xã hội về triển vọng nghề nghiệp, lộ trình phát triển và chính sách ưu đãi khi theo học các ngành nghề liên quan đến đường sắt.

b) Đào tạo nguồn nhân lực vận hành, khai thác, bảo trì

- Xây dựng kế hoạch, xác định mô hình đào tạo, bồi dưỡng nhân lực vận hành, khai thác, bảo trì trên các tuyến đường sắt theo tiến độ thực hiện dự án và nhu cầu thực tế của các đơn vị vận hành, khai thác, bảo trì.

- Ưu tiên tuyển dụng lực lượng lao động đã tham gia thiết kế, thi công các tuyến đường sắt vào các vị trí liên quan đến công tác bảo trì, đồng thời tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nhằm nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ bảo trì hệ thống đường sắt.

- Đào tạo lại, bồi dưỡng, nâng cao trình độ nhân lực vận hành, khai thác, bảo trì trên các tuyến đường sắt hiện hữu để bổ sung nhân lực cho các tuyến đường sắt tốc độ cao, đường sắt điện khí hóa, đường sắt đô thị theo quy hoạch.

c) Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực quản lý nhà nước

- Tổ chức các chương trình bồi dưỡng ngắn hạn kết hợp trong nước và nước ngoài, trực tiếp và trực tuyến, lý thuyết và thực hành, tập trung kiến thức, kỹ năng chuyên sâu về công tác quản lý hệ thống đường sắt hiện đại, các tiêu chuẩn quốc tế, mô hình và kinh nghiệm phát triển hệ thống đường sắt tốc độ cao, đường sắt điện khí hóa và đường sắt đô thị của các quốc gia tiên tiến.

- Cử đi học đại học văn bằng hai, sau đại học các chuyên ngành đường sắt tốc độ cao, đường sắt điện khí hóa và đường sắt đô thị tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước theo yêu cầu vị trí việc làm.

d) Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực quản lý dự án

- Tổ chức các chương trình bồi dưỡng ngắn hạn kết hợp trong nước và nước ngoài, trực tiếp và trực tuyến, lý thuyết và thực hành, tập trung kiến thức, kỹ năng chuyên sâu về công tác quản lý dự án; tổ chức nghiên cứu, khảo sát, thực hành, thực tập tại các dự án đường sắt tốc độ cao, đường sắt điện khí hóa, đường sắt đô thị có công nghệ tương tự đã được triển khai thành công ở trong nước và quốc tế.

- Lựa chọn, tăng cường đội ngũ nhân sự có kinh nghiệm từ các đơn vị quản lý dự án công trình giao thông để bổ sung nhân lực cho các đơn vị quản lý dự án đường sắt, bảo đảm đủ nguồn nhân lực triển khai dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam và các dự án đường sắt khởi công giai đoạn 2025 - 2028.

4. Phát triển nguồn nhân lực nghiên cứu, ứng dụng, tiếp nhận chuyển giao và làm chủ công nghệ, công nghiệp đường sắt

a) Huy động nguồn nhân lực từ các cơ sở đào tạo, nghiên cứu, tập đoàn, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đường sắt và các lĩnh vực liên quan để nghiên cứu, phối hợp tiếp nhận chuyển giao công nghệ và từng bước làm chủ từng phần công nghệ đường sắt tốc độ cao, đường sắt điện khí hóa và đường sắt đô thị, trong đó, chú trọng nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, công nghệ robot và trí tuệ nhân tạo.

b) Các đơn vị, doanh nghiệp được giao, đặt hàng hoặc tuyển chọn tham gia tư vấn, xây lắp, chế tạo, công nghiệp, công nghệ theo cơ chế của Chính phủ chủ động chuẩn bị nhân lực có đủ năng lực, trình độ ở tất cả các vị trí then chốt để tiếp nhận chuyển giao và từng bước làm chủ từng phần công nghệ.

c) Xây dựng chương trình đưa nhân lực tiếp nhận, làm chủ công nghệ đi tu nghiệp hoặc thực tập tại các cơ sở sản xuất, chế tạo, phòng thí nghiệm... tại các quốc gia có hệ thống đường sắt phát triển, gồm đường sắt tốc độ cao, đường sắt điện khí hóa và đường sắt đô thị.

d) Ưu tiên tuyển chọn sinh viên tốt nghiệp xuất sắc đi đào tạo sau đại học ở trong và ngoài nước, tuyển dụng làm việc cho các cơ quan nhà nước, cơ quan, đơn vị quản lý dự án, các chương trình nghiên cứu làm chủ công nghệ.

5. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong đào tạo, phát triển nguồn nhân lực đường sắt

a) Tăng cường xây dựng, mở rộng quan hệ quốc tế ở các cấp, đặc biệt là với các quốc gia có trình độ phát triển cao về đường sắt, các tập đoàn công nghệ lớn và các tổ chức quốc tế để trao đổi kinh nghiệm, hợp tác đào tạo nguồn nhân lực công nghệ cao về đường sắt.

b) Ưu tiên học bổng, đặc biệt là đối với các chương trình học bổng theo hiệp định liên chính phủ để tăng cường đào tạo sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) tại nước ngoài cho giảng viên, kỹ sư và cán bộ quản lý trong lĩnh vực đường sắt.

6. Tăng cường huy động, đa dạng hóa nguồn lực đầu tư và tăng cường hợp tác công tư cho đào tạo, phát triển nguồn nhân lực đường sắt

a) Lồng ghép các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp của Đề án vào các chương trình, đề án, dự án có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt để sử dụng hiệu quả các nguồn kinh phí cho triển khai thực hiện Đề án.

b) Các cơ quan quản lý nhà nước lựa chọn các cơ sở đào tạo để đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực thực hiện Đề án theo quy định.

c) Các cơ sở đào tạo xây dựng và triển khai chương trình học bổng, hỗ trợ tài chính cho người học; xây dựng và triển khai chương trình liên kết với doanh nghiệp, cam kết bảo đảm việc làm cho sinh viên.

d) Các tổ chức, doanh nghiệp thực hiện đầu tư, vận hành, khai thác, bảo trì các tuyến đường sắt xây dựng kế hoạch, xác định mô hình đào tạo, bồi dưỡng nhân lực vận hành, khai thác, bảo trì phù hợp đặc thù công nghệ, tiến độ thực hiện dự án đường sắt và nhu cầu thực tế của đơn vị; xây dựng trung tâm đào tạo thực hành gắn với đặc thù quy trình công nghệ, đồng thời hợp tác, liên kết, đặt hàng các cơ sở đào tạo để tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, cấp học bổng cho người học, cam kết tuyển dụng sau tốt nghiệp.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Đề án được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước (chi đầu tư, chi thường xuyên phân bổ cho các bộ, ngành, địa phương theo quy định của pháp luật); kinh phí đầu tư các dự án đường sắt; kinh phí lồng ghép trong các chương trình, đề án đã được phê duyệt; nguồn hỗ trợ quốc tế; kinh phí từ người học, đơn vị sử dụng lao động và các nguồn hợp pháp khác (nếu có), bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

2. Khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hỗ trợ nguồn lực hợp pháp trong việc triển khai và thực hiện Đề án.

3. Việc quản lý, sử dụng kinh phí để triển khai Đề án thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công, khoa học công nghệ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Xây dựng

a) Theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện các nhiệm vụ của Đề án, định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ hằng năm và sơ kết 5 năm; tổng hợp các đề xuất, kiến nghị để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đối với những vấn đề phát sinh, vượt thẩm quyền hoặc cần điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn triển khai.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, ngành, địa phương tổ chức thực hiện đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực quản lý nhà nước, quản lý dự án trong lĩnh vực đường sắt; tăng cường năng lực cho các cơ sở đào tạo, nghiên cứu thuộc Bộ Xây dựng theo thẩm quyền.

c) Chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo và đề xuất, kiến nghị về việc phê duyệt Đề án tại Tờ trình số 63/TTr-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tờ trình số 97/TTr-BXD ngày 26 tháng 8 năm 2025 và Báo cáo số 10791/BC-BXD ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Bộ Xây dựng.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo

a) Chỉ đạo, hướng dẫn cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý xây dựng đề án, kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực đường sắt; xây dựng kế hoạch đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị, đội ngũ giảng viên phục vụ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực đường sắt, đặc biệt là đường sắt tốc độ cao, đường sắt điện khí hóa và đường sắt đô thị.

b) Tổ chức xây dựng và triển khai các chương trình, kế hoạch đào tạo trình độ giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp về đường sắt; thực hiện việc chuẩn hóa chương trình đào tạo, đào tạo đội ngũ giảng viên; xây dựng các chính sách thu hút, khuyến khích người học.

c) Tổng hợp, điều phối kế hoạch đào tạo trung hạn và hàng năm của các cơ sở đào tạo; phối hợp với Bộ Xây dựng để điều chỉnh cơ cấu và số lượng nhân lực đào tạo đáp ứng yêu cầu thực tiễn về phát triển đường sắt.

d) Nghiên cứu xây dựng, triển khai mô hình liên kết giữa nhà nước, nhà trường, doanh nghiệp trong đào tạo nguồn nhân lực đường sắt.

3. Bộ Tài chính

a) Tổng hợp nhu cầu, trình cấp có thẩm quyền cân đối, bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước thực hiện Đề án theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công.

b) Chỉ đạo Tổng công ty Đường sắt Việt Nam hoàn thiện Đề án tái cơ cấu Tổng công ty, trong đó nghiên cứu, xây dựng phương án tái cơ cấu, mô hình Trường Cao đẳng đường sắt, bảo đảm đáp ứng nhiệm vụ đào tạo nhân lực đường sắt được giao cho Tổng công ty.

4. Bộ Khoa học và Công nghệ

a) Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng đội ngũ nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, đáp ứng nhu cầu Chương trình khoa học và công nghệ đặc biệt cấp Quốc gia phục vụ phát triển công nghiệp đường sắt.

b) Ưu tiên phân bổ ngân sách khoa học - công nghệ cho các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ phục vụ ngành đường sắt theo quy định pháp luật.

c) Phối hợp và tạo điều kiện để Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực đường sắt; đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và tiếp nhận chuyển giao công nghệ phục vụ triển khai các dự án đường sắt.

5. Bộ Công Thương

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển công nghiệp đường sắt, trong đó có hỗ trợ đào tạo nhân lực đường sắt; tạo điều kiện để doanh nghiệp tư nhân tham gia sâu vào chuỗi cung ứng, đào tạo phát triển nhân lực từng bước làm chủ công nghệ đường sắt.

6. Bộ Công an

a) Phối hợp với các bộ, ngành liên quan trong công tác đào tạo lực lượng chuyên trách, ứng phó sự cố, phòng ngừa tội phạm và bảo đảm an toàn cho công trình, thiết bị, phương tiện và hoạt động vận hành các tuyến đường sắt; đào tạo lực lượng cảnh sát giao thông chuyên trách kiểm tra, kiểm soát trên các tuyến đường sắt, trên các đoàn tàu và ga đường sắt.

b) Phối hợp với các bộ, ngành liên quan và các doanh nghiệp khai thác, vận hành, bảo trì đường sắt đào tạo lực lượng chuyên trách về bảo đảm an ninh, an toàn đường sắt; đào tạo cán bộ, chiến sĩ có chuyên môn về an ninh đường sắt tốc độ cao, an toàn tín hiệu...theo quy định.

7. Các bộ, cơ quan ngang bộ

a) Chủ động phối hợp với Bộ Xây dựng và các bộ, ngành liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án.

b) Ban hành kế hoạch triển khai các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án thuộc phạm vi quản lý cho từng giai đoạn và hàng năm trong đó chủ động lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án với các chương trình, đề án, dự án có liên quan.

c) Lựa chọn, chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu trực thuộc triển khai các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án; tổng hợp đề xuất các dự án đầu tư, dự toán kinh phí, bảo đảm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án theo quy định.

d) Xác định nhu cầu, triển khai đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo nhân lực đường sắt đáp ứng nhu cầu thuộc phạm vi quản lý.

8. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án, lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án với các chương trình, đề án, dự án có liên quan.

b) Căn cứ vào các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án, xây dựng kế hoạch triển khai cho từng giai đoạn và hàng năm trong đó chủ động lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án với các chương trình, đề án, dự án có liên quan.

c) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở đào tạo trực thuộc tổ chức triển khai các nhiệm vụ, giải pháp liên quan của Đề án; tổng hợp đề xuất dự toán kinh phí, bảo đảm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án theo quy định.

d) Xác định nhu cầu nhân lực đường sắt trên địa bàn địa phương; xây dựng và đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành các chính sách của địa phương; chỉ đạo doanh nghiệp khai thác, vận hành, bảo trì đường sắt đô thị xây dựng trung tâm đào tạo thực hành hoặc hợp tác với các cơ sở đào tạo để thực hiện đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng nhu cầu nhân lực đường sắt của địa phương.

9. Tổng công ty Đường sắt Việt Nam và các doanh nghiệp khai thác, vận hành, bảo trì đường sắt.

Xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; chủ động tổ chức đào tạo hoặc xây dựng kế hoạch, chương trình, chính sách hợp tác, liên kết với cơ sở đào tạo để tổ chức đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nguồn nhân lực quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì theo tiến độ thực hiện dự án và nhu cầu thực tế đối với các tuyến đường sắt được giao quản lý hoặc được đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực theo quy định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam;
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam;
- Các cơ sở giáo dục đại học, nghiên cứu, hỗ trợ đào tạo có liên quan (Bộ GDĐT, Bộ XD sao chụp và gửi);
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTg, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2b).

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Lê Thành Long



Phụ lục

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỰC HIỆN ĐỀ ÁN ĐÀO TẠO, PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2035, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2045

(Kèm theo Quyết định số 2230 /QĐ-TTg ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên nhiệm vụ	Chủ trì thực hiện	Phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Rà soát, hoàn thiện các quy định pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến đào tạo, phát triển nguồn nhân lực đường sắt, đặc biệt là đường sắt tốc độ cao, đường sắt điện khí hóa và đường sắt đô thị	Bộ Xây dựng	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ	2025 - 2026
2	Xây dựng, triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực quản lý nhà nước, quản lý dự án đường sắt	Bộ Xây dựng	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Giai đoạn 2025-2030, các giai đoạn 05 năm tiếp theo và hằng năm
3	Tổ chức xây dựng và triển khai các chương trình, kế hoạch đào tạo trình độ giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp về đường sắt; thực hiện việc chuẩn hóa chương trình đào tạo; đào tạo đội ngũ giảng viên cho các cơ sở đào tạo; xây dựng các chính sách thu hút, khuyến khích người học các ngành đào tạo phục vụ phát triển công nghiệp đường sắt. Chi đạo, hướng dẫn cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp xây dựng đề án, kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực đường sắt theo mục tiêu của Đề án; xây dựng kế hoạch đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị, đội ngũ giảng viên phục vụ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực đường sắt chất lượng cao, đặc biệt là đường sắt tốc độ cao, đường sắt điện khí hóa và đường sắt đô thị.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Xây dựng, các bộ, ngành, địa phương	Hằng năm

TT	Tên nhiệm vụ	Chủ trì thực hiện	Phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện
4	Tổ chức lựa chọn cơ sở đào tạo để giao chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học, sau đại học; tuyển sinh học đại học, sau đại học tại nước ngoài theo các đề án, học bổng hiệp định đối với các ngành thuộc lĩnh vực đường sắt; giám sát và đánh giá kết quả đào tạo của các cơ sở đào tạo hàng năm.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Xây dựng, các bộ, ngành, địa phương liên quan và các cơ sở đào tạo theo đặt hàng, giao nhiệm vụ của bộ, ngành, địa phương	Hàng năm
5	Xây dựng Chương trình, kế hoạch phát triển đội ngũ nhân lực phát triển công nghiệp, công nghiệp phụ trợ đường sắt.	Bộ Công Thương	Bộ Xây dựng và các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp	Giai đoạn 2025-2030, các giai đoạn 05 năm tiếp theo và hàng năm
6	Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng đội ngũ nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, đáp ứng nhu cầu Chương trình khoa học và công nghệ đặc biệt cấp Quốc gia phục vụ phát triển công nghiệp đường sắt	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Xây dựng và các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp Cơ sở nghiên cứu tại các bộ, các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp Việt Nam tham gia các dự án, chương trình phát triển đường sắt	Giai đoạn 2025-2030, các giai đoạn 05 năm tiếp theo và hàng năm
7	Cập nhật, xây dựng và hoàn thiện chương trình, giáo trình đào tạo, bồi dưỡng các chuyên ngành đường sắt, đặc biệt là đường sắt tốc độ cao, đường sắt điện khí hóa và đường sắt đô thị	Các cơ sở đào tạo theo đặt hàng, giao nhiệm vụ của bộ, ngành, địa phương	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Xây dựng và các bộ, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm